

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **294/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 15- 11 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan.

Ông Huỳnh Văn Năm.

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 652/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/9/2018 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 452/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/10/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Ngọc L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Quách Văn Nhiệm, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp 7, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/9/2018 và lời trình bày nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Vào năm 2007 chị L và anh N tự nguyện sống chung với nhau, hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời kỳ chung sống giữa vợ chồng có 02 con chung tên: Quách Thảo N - sinh 16/3/2008, Trần Chí N - sinh 12/12/2015.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do anh N thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, khi đi nhậu về anh N thường xuyên xúc phạm chị L và gia đình chị L, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được.

Chị L yêu cầu ly hôn với anh N. Về các con chung yêu cầu được nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Ý kiến của bị đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Anh N thống nhất với lời trình bày của chị L về hôn nhân, về con chung và nợ chung là đúng sự thật. Về tài sản chung anh N xác định có nhưng không lớn.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nhưng anh N thừa nhận trong lúc say rượu có xúc phạm chị L vài lần. Thời gian trước đây vợ chồng đi làm ở Đồng Nai sau đó vợ chồng trở về địa phương sống được 02 năm, rồi chị L hỏi đi làm ở Đồng Nai đến nay được 02 tháng và yêu cầu ly hôn với anh N.

Anh N không đồng ý ly hôn với chị L. Nếu Tòa án xem xét cho ly hôn, thì vẫn đề con chung anh N đồng ý giao 02 con chung cho chị L nuôi dạy, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Ý kiến của cháu N có sự chứng kiến của chị L có tại hồ sơ, thể hiện: Cháu N có nguyện vọng được sống với chị L.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện T, nội dung tranh chấp là việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[4] *Xét về mối quan hệ hôn nhân và yêu cầu ly hôn*: Chị L và anh N tự nguyện sống chung với nhau và đủ điều kiện kết hôn thì phải đăng ký theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch, nhưng chị L và anh N không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, do đó căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 không công nhận chị L và anh N là vợ chồng là phù hợp.

[5] *Xét về con chung*:

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy con chung tên Quách Thảo N đã từ đủ 07 tuổi trở lên và sau khi ghi nhận ý kiến thì cháu có nguyện vọng được sống với chị L và cháu Trần Chí N chị L yêu cầu nuôi và anh N cũng thống nhất, nên cần giao cháu N và cháu N cho chị L nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh N có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này, anh N phải tôn trọng quyền của các con chung được sống với chị L là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung: Chị L không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Xét tài sản chung và nợ chung*: Chị L và anh N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Xét về án phí*: Chị L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị L đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Không công nhận Trần Ngọc L và Quách Văn N là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cho chị L trực tiếp nuôi dạy các con chung tên Quách Thảo N, sinh 16/3/2008 và Trần Chí N, sinh 12/12/2015 đến tuổi trưởng thành. Anh N không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con. Anh N có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, không ai có quyền ngăn cản anh N thực hiện quyền này, anh N phải tôn trọng quyền của con chung được sống với chị L.

- Về tài sản chung và nợ chung không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

Chị L phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị L đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0008683 ngày 17/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã K;
- UBND thị trấn T;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Từ Thanh Nhung